TÒA ÁN NH1 DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/2023/QĐST-HNGĐ	*Tháp Mười, ngày 22 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nH1 và gia đình thụ lý số 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977.

Căn cước công dân số 087177009150 cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Võ Thành S, sinh năm 1977.

Căn cước công dân số 087077009564 cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nH1 và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị D và anh Võ Thành S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nH1: Chị Nguyễn Thị D và anh Võ Thành S tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Nhật H, sinh ngày 06/10/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Và chị D không yêu cầu anh S

cấp dưỡng (đóng góp) nuôi dưỡng con chung cùng chị D. Riêng con chung tên Võ Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 14/02/2001, đã trưởng thành nên chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh S là người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị D.

2.3. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị D tự nguyện nộp đủ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002500 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị D được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Đốc Binh Kiều (GCNKH số 78 ngày 15/10/2001)
- Lưu: HSVA, VP, (Búp).

THẨM PHÁN
(đã ký)
Trần Văn Kiến